

Số: 170/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 của người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xã C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số D đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 29/9/2014. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T chung sống tại địa chỉ: Số D đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là số D đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung.

Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T.

[2] *Về con chung:* Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung tên Nguyễn Gia A, sinh ngày: 26/7/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Thanh B cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000

đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2025 và vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thanh Ba K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì ông Nguyễn Thanh Ba P trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

[3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình* là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0003544 ngày 13 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 21 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

(*Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 29/9/2014 tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Đà Nẵng*).

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung tên Nguyễn Gia A, sinh ngày: 26/7/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Thanh Ba P cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2025 và vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thanh Ba K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì ông Nguyễn Thanh Ba P trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có.

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0003544 ngày 13 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- UBND xã Chiên Đàn, TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Kiều Trang